

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 200/2022/QĐST-HNGĐ

A, ngày 23 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 340/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **H. T. D**, sinh năm: 1990; cư trú tại: Tổ 01, khu K, thị trấn M, huyện A, tỉnh B.

- *Bị đơn*: Chị **N. T. K. L**, sinh năm: 1995; cư trú tại: Tổ 01, khu K, thị trấn M, huyện A, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H. T. D với chị N. T. K. L.
- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - Về *quan hệ hôn nhân*: Anh H. T. D với chị N. T. K. L thuận tình ly hôn.
  - Về *quan hệ con chung*: Anh H. T. D và chị N. T. K. L thống nhất có 01 con chung tên H. N. P. T, sinh ngày 13/4/2019, hiện cháu T đang sống với chị L. Khi ly hôn các đương sự thống nhất giao cháu H. N. P. T cho chị N. T. K. L tiếp

tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng các bên không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

*Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.*

2.3. Về quan hệ tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.4. Án phí HNST: Anh H. T. D tự nguyện chịu 150.000<sup>d</sup> án phí ly hôn theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào 300.000<sup>d</sup> tiền tạm ứng án phí anh D. đã nộp theo biên lai thu số 0011584 ngày 15/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh B và hoàn trả lại cho anh D 150.000<sup>d</sup> tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND thị trấn M, huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**THẨM PHÁN**

**P. L. L**